

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-PT

Ngày: 11-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Ông Vũ Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:

Ông Lê Sỹ Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 19/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Thị X và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là khu vực 1- Lai Châu).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Thị X, sinh năm 1986 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường Ph, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố Ph, phường S, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Điều dưỡng Bệnh viện đa khoa S, tỉnh Lào Cai (nay là Bệnh viện đa khoa số Y tỉnh Lào Cai); Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Quang Đ (đã chết) và bà Doãn Thị M, sinh năm 1968; Chồng: Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, đến ngày 31/3/2024 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

2. Vũ Thị X1, sinh năm 1988 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường Ph, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố Ph, phường S, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Quang Đ (đã chết) và bà Doãn Thị M, sinh năm 1968; Chồng: Hà Đình P, sinh năm 1984; Con: Có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, đến ngày 31/3/2024 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

3. Lê Thái H, sinh năm 1996 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 11, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là tổ 11, phường L, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Phạm K, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Vợ: Vũ Thị N, sinh năm 1992; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/8/2020 bị cáo bị Công an thành phố L, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng” bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng, hiện đã được xóa tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, đến ngày 31/3/2024 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

4. Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường Ph, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố Ph, phường S, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Bác sỹ Bệnh viện đa khoa S, tỉnh Lào Cai (nay là Bệnh viện đa khoa số Y tỉnh Lào Cai); Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949; Vợ: Vũ Thị X, sinh năm 1986 (là bị cáo trong cùng vụ án); Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, đến ngày 31/3/2024 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

5. Nguyễn Thái T, sinh năm 1992 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 07, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố S, phường S, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thái Th, sinh năm 1968 (là bị cáo trong cùng vụ án) và bà Vũ Thị M1, sinh năm 1972; Vợ: Đinh Thị N1, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, đến ngày 31/3/2024 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

6. Nguyễn Đức M, sinh năm 1995 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 07, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố S, phường S, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thái Th, sinh năm 1968 (là bị cáo trong cùng vụ án) và bà Vũ Thị M1, sinh năm 1972; Vợ: Vũ Thị B, sinh năm 1995; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, tạm giam từ ngày 31/3/2024 đến ngày 10/6/2024 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh cho đến nay (Có mặt).

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 15/2025/HS-PT ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt bị cáo 50.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

7. Nguyễn Thái Th, sinh năm 1968 tại tỉnh Lào Cai; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 07, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai (nay là tổ dân phố S, phường S, tỉnh Lào Cai); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thái Th1 (đã chết) và bà Phí Thị H (đã chết); Vợ: Vũ Thị M1, sinh năm 1972; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024, tạm giam từ ngày 31/3/2024 đến ngày 24/5/2024 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh cho đến nay (Có mặt).

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 15/2025/HS-PT ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- *Bị cáo, bị hại không có kháng cáo, kháng nghị được Tòa án triệu tập:* Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 18, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là tổ 18, phường T, tỉnh Lai Châu - Có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 18, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là tổ 18, phường T, tỉnh L - Có mặt).

- *Ngoài ra còn có bị cáo Đỗ Anh T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 21/3/2024, nhóm của Vũ Thị X1 gồm 05 người: Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Vũ Thị N đi từ thị xã S, tỉnh Lào Cai đến thành phố L, tỉnh Lai Châu để giải quyết việc gia đình của X1. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả nhóm đến thành phố L C thì gặp và ăn cơm cùng nhóm của Nguyễn Thái Th gồm 05 người: Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th, Vũ Thị M, Đinh Thị N đang đi du lịch tại L. Trong lúc ăn cơm, mọi người có nói chuyện về việc X1 lên thành phố L tìm gặp chồng là Hà Đình P để nói chuyện gia đình do nghi ngờ P có quan hệ tình cảm với Nguyễn Thị H2 nên mọi người cùng rủ nhau đến quán nước của H2 tại phố đi bộ HD thuộc tổ 18, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay là tổ 18, phường T, tỉnh Lai Châu) để tìm P. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, nhóm của X1 và nhóm của Th gồm 10 người đến ăn cơm tại nhà hàng Tr đối diện quán nước của H2 tại phố đi bộ HD để tìm gặp P.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang ăn cơm tại nhà hàng Tr, X1 thấy P đang ngồi ăn cơm tại quán nước của H2 cùng hai con của H2 nên X, X1, H, L, T, M, M1, N đi từ nhà hàng Tr sang gặp P để X1 nói chuyện với P, lúc này Th ngồi trên xe ô tô và N1 đang đi dạo phố nên không sang cùng. X1 và P nói chuyện gia đình với nhau khoảng hơn 30 phút thì có Phạm Thị Ngọc Y (em dâu Nguyễn Thị H, vợ Nguyễn Trung H1) đến nhà H2 và xảy ra mâu thuẫn với X. Lúc này, Nguyễn Trung H1 (em trai H2) gọi điện thoại cho vợ là Y thì nghe thấy tiếng cãi nhau trên điện thoại nên rủ Đỗ Anh T1 (anh họ của H1) cùng đi đến nhà H2. Khi đến nơi, H1 tiến đến chỉ tay về hướng nhóm X1 nói “Đứa nào

vừa chửi vợ tao” rồi H1 lao đến đập vào người L 01 phát làm L ngã ra đường, tiếp tục H1 dùng tay nắm H (H đang đứng cạnh L), T1 cầm chày nhựa đỏ đập trúng vào đầu X, sau đó T1 ném 01 vật về phía M nhưng không trúng nên M chạy vào lấy 01 con dao gọt hoa quả (lưỡi dao dài 16cm, nơi rộng nhất dài 04cm, cán dao dài 12cm) trên bàn uống nước cạnh cửa nhà H2 cầm trên tay phải đồng thời cầm ghế nhựa màu xanh dơ lên nhưng không ném. T thấy T1 ném M nên cầm ghế ném về phía T1 nhưng không trúng. T1 thấy nhóm của X1 cầm hung khí nên 01 mình chạy về nhà H1 để lấy hung khí, còn H1 ở lại đánh nhau với nhóm của X1. Sau đó H1, H và nhóm của X1 tiếp tục vật lộn, H1 và H ngã xuống đường rồi cả hai cùng đứng dậy, mọi người tiếp tục đuổi đánh nhau. L dùng tay phải nắm 01 phát vào vai bên phải của H1. Th tiến lại chỗ đánh nhau dùng tay phải nắm 01 phát vào vùng bụng của H1. M lấy ghế nhựa đập về phía H1 nhưng không trúng làm ghế bị vỡ, M tiếp tục cầm chân ghế bị vỡ đập trúng lưng H1. X cầm khay gỗ (kích thước dài 65cm, rộng 40cm, cao 12cm) đập 01 phát vào vùng đầu của H1. Khi H1 ngã ra đường, X tiếp tục cầm khay gỗ ném 02 lần về phía H1 nhưng không trúng. T nhặt 01 chân ghế nhựa bị vỡ đập 01 phát vào chân trái của H1. M tiếp tục cầm mảnh chân ghế vỡ màu xanh quay lại phía H1 rồi đập trúng vào người H1. H dùng chân phải đá 02 phát về phía H1, 01 phát không trúng, 01 phát trúng vào phần vai của H1. X1 cầm 01 ghế nhựa màu xanh đi về phía H1 nhưng không ném. Sau đó, khi H1 đang vật lộn với H, M dùng chân phải đập 01 phát vào vùng vai của H1. Khoảng 05 phút sau, T1 quay lại tay phải cầm 01 con dao dài 60cm (phần lưỡi dao dài 40cm, cán gỗ hình trụ tròn dài 20cm) và tay trái cầm 01 búa bằng kim loại (cán búa bằng gỗ, búa dài 36,3cm, phần kim loại 10cmx03cmx03cm, phần cán dài 33,3cm rộng 05cm) đi đến thì mọi người hô “Nó cầm dao đấy”. T1 cầm dao lao đến khu, chém về phía các bị cáo đang đánh nhau với H1. Thấy thế, các bị cáo tản ra thì T1 chém phần bệ rộng của dao vào vùng lưng của H nên X1 cầm khay gỗ (kích thước dài 65cm, rộng 40cm, cao 12cm) màu vàng ném về phía T1 nhưng không trúng. T cầm 01 chiếc ghế nhựa màu xanh ném về phía T1 nhưng không trúng, ném xong T chạy thì bị trượt chân ngã nên T1 cầm dao đuổi chém về phía lưng T làm T tiếp tục ngã chống tay chân xuống đường. T1 đưa búa cho H1, H1 cầm búa vật lộn với H và cầm búa đập vào chân trái H. X1 cầm hộp gỗ hình chữ nhật màu vàng chạy ra chỗ H1 và H đang vật lộn thì hộp gỗ rơi xuống đất. Cùng lúc đó Vũ Thị N chạy ra can ngăn kéo H ra, sau đó H chạy thì bị ngã. T1 cầm dao chạy đến đá H 01 phát và quay ngang dao chém H 01 phát từ trên xuống vào lưng H, N tiếp tục chạy vào kéo H ra đồng thời kéo H chạy về phía ô tô của mình rồi cả hai lên ô tô ngồi đóng cửa lại. T1 và H1 đứng bên ngoài chửi, T1 cầm dao gỗ vào lớp trước bên trái xe ô tô H và N đang ngồi nên H điều khiển xe chạy ra khỏi khu vực đánh nhau. T1, H1 vẫn đuổi đánh mọi người nên M chạy đi lấy 01 cái điều cày bằng tre (kích thước dài 65cm, rộng 05cm) ở quán hải sản ĐH của chị Lại Thị H3, M cầm điều cày chỉ về hướng T1 và H1 để dọa T1 và H1 không đuổi đánh mọi người nữa. Lúc này là 19 giờ 53 phút cùng ngày, khi mọi người hô “chém chết người rồi” thì T1 và H1 không đuổi đánh nhóm của X1 nữa mà rời khỏi hiện trường về nhà.

Hậu quả:

Về an ninh trật tự nơi công cộng: Hành vi dùng hung khí, chân tay đánh nhau và dòn đuối nhau tại phố đi bộ HD của các bị cáo diễn ra trong khoảng thời gian từ 19 giờ 48 phút đến 19 giờ 53 phút ngày 21/3/2024 là thời điểm các nhà hàng đang hoạt động bình thường và có người dân, du khách đến thăm quan, du lịch, nhiều khách hàng đang ăn uống trong các nhà hàng chứng kiến diễn biến nội dung sự việc. Các bị cáo dùng hung khí đuối đánh nhau trên đường phố gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây náo động trật tự nơi công cộng; gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các nhà hàng đang kinh doanh, buôn bán tại phố đi bộ HD. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường T đã có văn bản đề nghị các cơ quan chức năng xử lý nghiêm các đối tượng đã có hành vi gây rối trật tự công cộng trên địa bàn phường.

Về tỷ lệ tổn thương cơ thể:

- Đối với Nguyễn Trung H1: Tại bản kết luận giám định số 69/KLTTCT - TTPYLC ngày 29/3/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận về thương tích của Nguyễn Trung H1:

1. Các kết quả chính:

- Ngay trên cung lông mày bên trái có vết thương, kích thước: Dài 02cm, rộng 0,6cm.

- Mi trên mắt bên trái có vết biến đổi rối loạn sắc tố da, kích thước: Dài 04cm, rộng 0,6cm.

- Vùng trán bên phải: Sát chân tóc có 01 đám biến đổi rối loạn sắc tố da, kích thước: Dài 03cm, rộng 0,6cm.

- Cách mép bên phải 02cm hướng lên trên và ra ngoài có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, sưng nề nhẹ, kích thước: Dài 1,1cm, rộng 0,2cm.

- Vùng cổ bên phải có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,3cm, rộng 0,2cm.

- Mặt trước ngoài cẳng tay trái có vết biến đổi rối loạn thay đổi sắc tố da, kích thước: Dài 13,4cm, rộng 5,7cm.

- Vùng khuỷu tay trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, sưng nề nhẹ, kích thước: Dài 2,2cm, rộng 01cm.

- Mặt trước ngoài cẳng tay trái có vết biến đổi rối loạn thay đổi sắc tố da, kích thước: Dài 01cm, rộng 0,7cm.

- Mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 0,9cm, rộng 0,2cm.

- Ngay mồm cằm trụ có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,8cm, rộng 0,2cm.

- Mặt trước trong 1/3 dưới cẳng tay phải có vết biến đổi rối loạn sắc tố da, kích thước: Dài 08cm, rộng 5,4cm.

- Mu bàn tay phải và ngón 2 bàn tay phải có 03 vết trợt da, vết thương đang đóng vảy:

+ Vết 1 có kích thước: Dài 2,6cm, rộng 0,2cm.

+ Vết 2 có kích thước: Dài 0,6cm, rộng 0,2cm.

+ Vết 3 có kích thước: Dài 0,5cm, rộng 0,2cm.

- Vùng chân trái: Mặt trong xương bánh chè trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,7cm, rộng 01cm.
- Đầu trên cẳng chân trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,8cm, rộng 0,7cm.
- 1/3 giữa mặt ngoài cẳng chân trái có vết biến đổi rối loạn thay đổi sắc tố da, kích thước: Dài 21cm, rộng 10cm.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Trung H1 tại thời điểm giám định là 21%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Kết luận khác:

- Chiều hướng vết thương: Không xác định được.
- Cơ chế hình thành vết thương, vật gây thương tích: Các thương tích trên cơ thể Nguyễn Trung H1 do vật tày tác động trực tiếp gây nên.
- Đối với Vũ Thị X bị 02 vết thương tại vùng đỉnh đầu, tại kết luận giám định số 63/KLTTCT-TTPYLC ngày 27/3/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Thị X tại thời điểm giám định là 02%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.
- Đối với Lê Thái H bị 03 vết thương tại xương cánh chậu bên trái và vùng bả vai bên trái, tại bản kết luận giám định số 70/KLTTCT-TTPYLC ngày 29/3/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thái H tại thời điểm giám định là 05%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.
- Đối với Nguyễn Thái T bị 04 vết thương tại vùng khuỷu tay trái, khuỷu tay phải, vùng đầu gối phải, mặt ngoài đầu gối trái, tại bản kết luận giám định số 71/KLTTCT-TTPYLC ngày 29/3/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thái T tại thời điểm giám định là 04%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.
- Đối với Nguyễn Văn L, tại bản kết luận giám định số 68/KLTTCT-TTPYLC ngày 29/3/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn L tại thời điểm giám định là không có thương tích, không có phần trăm.

Về tài sản: 03 ghế nhựa màu xanh và 01 chậu nhựa màu đỏ của chị Nguyễn Thị H2 bị hư hỏng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 06/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản - UBND thành phố Lai Châu, kết luận: 03 ghế nhựa màu xanh có trị giá 330.000 đồng; 01 chậu nhựa màu có trị giá 30.000 đồng. Tổng cộng là 360.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, Công an thành phố Lai Châu đã chủ trì khám nghiệm hiện trường, thu giữ đầy đủ các vật chứng có liên quan.

Tại bản kết luận giám định số 448/KL-KTHS ngày 24/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa trong 04 tệp tin video gửi giám định.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trung H1 khai nhận toàn bộ vết thương trên cơ thể của H1 là bị nhóm của X1 và Th đánh (Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể

ngày 22/3/2024). Ngày 08/4/2024, H1 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, do vẫn thấy tức ngực nên ngày 19/4/2024 H1 đi chụp cắt lớp phát hiện bị gãy xương sườn số 4, 5, 6 vết gãy đã can. Ngày 25/5/2024, H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra kết quả chụp cắt lớp nêu trên và đề nghị xem xét đánh giá lại tỷ lệ thương tích với lý do các thương tích của H1 khi bị đánh nhau tại phố đi bộ là các vết thương ngoài da hiện đã phục hồi hoàn toàn nên H1 thấy tỷ lệ tổn thương cơ thể của H1 theo bản kết luận giám định số 69/KLTTCT-TTPYLC ngày 29/3/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu lớn hơn so với tình trạng sức khỏe hiện tại. Cùng ngày, tại Cơ quan điều tra, H1 thay đổi lời khai, nội dung H1 trình bày: Sau khi đánh nhau xong H1 về nhà, khi lên tầng 2 để nghỉ ngơi thì bị ngã cầu thang, lý do thay đổi lời khai là do H1 nhận thức pháp luật chưa đầy đủ và không rõ phải trình báo với Cơ quan điều tra đầy đủ nội dung sự việc gây nên các thương tích trên cơ thể của H1 (BL 1329). Do đó, ngày 12/8/2024 Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định bổ sung.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 125/KLTTCT-TTPYLC ngày 12/8/2024 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh Lai Châu đối với thương tích của Nguyễn Trung H1, kết luận:

1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của mỗi thương tích do thương tích gây ra cho Nguyễn Trung H1:

- Ngay trên cung lông mày bên trái có vết thương, vết thương đang đóng vảy kích thước: Dài 02cm, rộng 0,6cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 6%.

- Cách mép bên phải 02cm hướng lên trên và ra ngoài có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, sưng nề nhẹ, kích thước: Dài 1,1cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 3%.

- Vùng cổ bên phải có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,3cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 02%.

- Vùng khuỷu tay trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, sưng nề nhẹ, kích thước: Dài 2,2cm, rộng 01cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 2%.

- Mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 0,9cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%.

- Ngay mồm cằm trụ phải có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,8cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%.

- Mu bàn tay phải và ngón 2 bàn tay phải có 03 vết trợt da, vết thương đang đóng vảy:

+ Vết 1 có kích thước: Dài 2,6cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%.

+ Vết 2 có kích thước: Dài 0,6cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%.

+ Vết 3 có kích thước: Dài 0,5cm, rộng 0,2cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%.

- Vùng chân trái: Mặt trong xương bánh chè trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,7cm, rộng 01cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 2%.

- Đầu trên cẳng chân trái có vết trợt da, vết thương đang đóng vảy, kích thước: Dài 1,8cm, rộng 0,7cm có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 2%.

- Tất cả các vết biến đổi rối loạn sắc tố da có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 1%.

2. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần (Tổng tỷ lệ % TTCT sau khi được làm tròn số là kết quả cuối cùng) do đó Trung tâm Pháp y tỉnh Lai Châu không trả lời được câu hỏi: Tổng tỷ lệ tổn thương của nhóm các vết thương (nhóm 09 vết tổn thương trong tổng các tổn thương cơ thể của Nguyễn Trung H1) nêu trong quyết định trưng cầu số 817/QĐ-CQĐT-Đ4 ngày 12/8/2024 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Lai Châu.

Ngày 14/8/2024, các bị cáo X, X1, H, L, T, M, Th có đơn đề nghị giám định lại thương tích đối với Nguyễn Trung H1 với lý do: Sau khi xảy ra xô xát, Cơ quan điều tra đã đưa H1 đi giám định ngay, vết thương của H1 chưa ổn định nên tỷ lệ tổn thương cơ thể cao lên đến 21%. Quá trình xảy ra xô xát, các bị cáo không tấn công vào đầu, ngực, mặt của H1 nhưng H1 lại có vết thương ở đầu, ngực, mặt. Hơn nữa, sau khi đánh nhau H1 về nhà bị ngã cầu thang nên các bị cáo nghi ngờ kết quả giám định tổn thương cơ thể ban đầu của H1 21% là không chính xác.

Ngày 15/8/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại đối với H1 gửi Trung tâm giám định pháp y (C09) Bộ Công an.

Tại bản kết luận giám định số 6311/KL-KTHS ngày 16/8/2024 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận về thương tích của Nguyễn Trung H1: *Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Trung H1 tại thời điểm giám định là 02% (Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng cổ sau bên phải 0,5%; Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mép phải 0,5%; Sẹo mặt mu bàn tay phải kích thước nhỏ 01%; Vết biến đổi rối loạn sắc tố da tại mặt trước 1/3 trên cẳng chân trái 0,5%. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương vùng cổ sau, mép phải và mặt trước 1/3 trên cẳng chân phải của anh Nguyễn Trung H1 do vật tày gây nên; tổn thương tại mu bàn tay phải của anh Nguyễn Trung H1 do vật có diện tiếp xúc hẹp gây nên. Do vùng trán, cung mày trái, mi trên mắt trái, cánh tay, khuỷu tay, cẳng tay, mồm trâm trụ tay phải, mặt trong xương bánh chè và mặt ngoài cẳng chân trái của anh Nguyễn Trung H1 không còn dấu vết thương tích nên không có cơ sở xác định cơ chế hình thành thương tích.*

Tại Công văn số 332/C09-TT1 ngày 07/02/2025 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giải thích kết luận giám định số 6311/KL-KTHS ngày 16/8/2024 nêu trên như sau: *Đối với các tổn thương dạng trợt da của anh Nguyễn Trung H1 thể hiện tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do Công an thành phố Lai Châu lập ngày 22/3/2024, tùy theo mức độ, các tổn thương có độ nông, sâu không đều, sau khi điều trị khỏi, các vết trợt da có thể để lại sẹo hoặc không để lại sẹo mà chỉ để lại vết biến đổi rối loạn sắc tố da, hoặc không còn dấu vết thương tích. Đối với các tổn thương dạng sưng nề, bầm tím, sau khi điều trị khỏi sẽ không để lại dấu vết thương tích.*

Tại thời điểm giám định lại (sau khoảng 05 tháng), các tổn thương trên của anh Nguyễn Trung H1 hiện để lại sẹo và để lại các vết biến đổi rối loạn sắc da, một số vị trí tương ứng đã không còn dấu vết thương tích (thể hiện tại nội dung kết luận).

Việc xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể được xác định tại thời điểm giám định (quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 22/2019/TT-BYT ban hành ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế) và được quy định cụ thể tại Bảng 1- tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là khu vực 1 - Lai Châu) đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th. Căn cứ thêm điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th.

Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th phạm tội: "Cố ý gây thương tích" và tội "Gây rối trật tự công cộng".

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị X 01 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm 02 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị X1 01 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm 02 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thái H 01 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm 02 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm 02 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T 01 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm 02 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Căn cứ Điều 55 Bộ

luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 01 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 năm 02 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 80 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 03 tháng 10 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Th 01 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 năm 01 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 04 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 63 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 01 tháng 27 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Đỗ Anh T1 và Nguyễn Trung H1, về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/3/2025 các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật, tội danh, phân hóa hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo cũng như đảm bảo công bằng và tính pháp chế của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, các bị cáo X, X1, H, L, T, M đều xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; bị cáo Th xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Sau đó, tại phần hỏi và tranh luận, bị cáo H đề nghị xem xét lại tội danh cho bị cáo và kết quả giám định thương tích đối với bị hại H1 nhưng tại lời nói sau cùng bị cáo H tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Nguyễn Trung H1 trình bày diễn biến, hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, nhất trí với kết luận giám định thương tích đối với H1 là 21% và tiếp tục đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo X, X1, H, L, T, M và T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo và chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo đảm bảo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ.

Tại cấp phúc thẩm các bị cáo X, X1, L, T, M, Th đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận các kết luận giám định mà Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là có căn cứ. Riêng bị cáo H cho rằng bị cáo gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nên đề nghị xem xét lại tội danh và kết quả giám định thương tích đối với bị hại H1 theo hướng chấp nhận là 02%.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, H1 tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nguyên nhân các bị cáo gây

thương tích cho H1 có một phần lỗi của H1. Do đó, các bị cáo đều được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo X, L, T, M được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo M, Th và khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo M 80 ngày, Th 63 ngày là chưa chính xác. Tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo thuộc điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; khấu trừ thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam chính xác đối với bị cáo M là 02 tháng 19 ngày, Th là 02 tháng 02 ngày. Do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 (đối với các bị cáo X, X1, L, T, M, Th), điểm c (đối với các bị cáo X, X1, T, M, Th), điểm e (đối với bị cáo L) khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo H: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo X, X1, T, M, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L và Th, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là khu vực 1 - Lai Châu) về phần quyết định hình phạt, cụ thể:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th. Căn cứ thêm Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th. Căn cứ thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Căn cứ thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th.

Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th phạm tội: "Cố ý gây thương tích" và tội "Gây rối trật tự công cộng".

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị X từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và từ 08 tháng đến 09 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị X1 từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và từ 08 tháng đến 09 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thái H 01 năm 04 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm 02 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo

được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 03 tháng đến 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (11/8/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 14 tháng đến 18 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 07 tháng đến 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 14 tháng đến 18 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 19 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Th từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và từ 03 tháng đến 04 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 02 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều biết mình đã vi phạm pháp luật, các bị cáo X, X1, H, L, T, M xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo. Bị cáo Th xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo H, qua xét hỏi và tranh luận đã nhận thức được tội danh của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận lời nói sau cùng của bị cáo, không đề nghị xem xét lại tội danh của bị cáo và thương tích của bị hại H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Căn cứ lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, hình ảnh video ghi lại sự việc và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 19 giờ 48 phút đến 19 giờ 53 phút ngày 21/3/2024, tại phố đi bộ HD thuộc tổ 18, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (nay thuộc tổ 18, phường T, tỉnh Lai Châu), nhóm Nguyễn Trung H1 và Đỗ Anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn với nhóm của Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M và Nguyễn Thái Th. Do đó, cả hai nhóm đã có hành vi

dùng chân tay và các hung khí nguy hiểm là chày nhựa, ghế nhựa, khay gỗ, dao, búa, ống điều để dồn đuổi và gây thương tích cho nhau trên đường phố vào thời điểm các nhà hàng tại phố đi bộ đang hoạt động bình thường và có người dân, du khách đến thăm quan, du lịch, ăn uống tại các nhà hàng. Hậu quả: Về tài sản thiệt hại tổng số tiền là 360.000 đồng; về tỷ lệ tổn thương cơ thể: Vũ thị X là 02%, Lê Thái H là 05%, Nguyễn Thái T là 04%, Nguyễn Trung H1 là 21%.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo X, X1, H, L, T, M và Th về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của các bị cáo X, X1, H, L, T, M xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo; Bị cáo Th xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, Nguyễn Trung H1 tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo đều đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới như sau: Bị cáo X cung cấp thêm 01 văn bản xác nhận ngày 20/7/2025 với nội dung bị cáo đã giúp Cơ quan có thẩm quyền phát hiện tội phạm khác trên địa bàn, 01 Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai tặng bị cáo năm 2021, trong quá trình công tác bị cáo được tặng danh hiệu lao động tiên tiến trong các năm 2022, 2023, năm 2018 gia đình bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S, thị xã S, tỉnh Lào Cai tặng Giấy khen gia đình văn hóa; bị cáo X1 cung cấp thêm 01 văn bản xác nhận là lao động chính trong gia đình; Bị cáo H cung cấp thêm 01 Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai tặng bị cáo năm 2025; Bị cáo L cung cấp thêm 01 văn bản xác nhận ngày 06/11/2024 với nội dung bị cáo đã giúp Cơ quan có thẩm quyền phát hiện tội phạm khác trên địa bàn, năm 2018 gia đình bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S, thị xã S, tỉnh Lào Cai tặng Giấy khen gia đình văn hóa, năm 2019 bị cáo được Ban chấp hành Công đoàn ngành y tế tặng Giấy khen, năm 2021 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai tặng Giấy khen và được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2023, năm 2022 được xếp loại đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Bị cáo T và M cung cấp thêm 01 văn bản xác nhận ngày 28/7/2025 với nội dung đã giúp Cơ quan có thẩm quyền phát hiện tội phạm khác trên địa bàn; Bị cáo Th bị bệnh sỏi niệu quản phải phẫu thuật tháng 7/2025. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho 07 bị cáo; riêng các bị cáo X, L, T và M có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo X, X1, H, T và M là người thực hành tích cực, trong đó các bị cáo X, X1, T và M là những người dùng hung khí nguy hiểm, bị cáo H không dùng hung khí nguy hiểm nhưng vật lộn nhiều lần với H1; bị cáo L và Th có vai trò thấp hơn, là những người giúp sức với vai trò không đáng kể trong vụ án được thể hiện ở việc sau khi L bị H1 đập ngã, thấy hai bên đuổi đánh nhau

nên L dùng tay nắm H1 01 phát vào vai, Th dùng tay nắm H1 01 phát vào vùng bụng. Do đó trên cơ sở phân hóa vai trò của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét, cân nhắc có mức hình phạt phù hợp.

Các bị cáo phạm tội không có dự mưu trước, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều ăn ăn hối cải, nguyên nhân các bị cáo gây thương tích cho H1 có một phần lỗi của H1. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo X, X1, L, T, M, Th đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo H lúc đầu còn chưa thành khẩn nhưng sau đó đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và các bị cáo không có ý kiến gì về các kết luận giám định về thương tích đối với H1, nhất trí về tội danh, khung khoản và Điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo. Ngoài ra, 07 bị cáo trên đều là người thân trong gia đình, bị cáo X và L là hai vợ chồng; bị cáo Th, M và T là ba bố con; bị cáo X và X1 là hai chị em; bị cáo H là em rể của X và X1.

Do đó, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ mới, thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải của các bị cáo, nguyên nhân phạm tội và phân hóa vai trò của các bị cáo như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta đối với những người biết ăn năn hối cải. Bị cáo L là người giúp sức với vai trò không đáng kể trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có 03 con còn nhỏ nên nếu cả hai vợ chồng cùng chấp hành án thì khó khăn cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các con, do đó có thể cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách theo Điều 65 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, là người giúp sức với vai trò không đáng kể trong vụ án nhưng trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo còn thực hiện hành vi đánh bạc và đã bị xét xử trong vụ án khác nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự.

Do đó, quan điểm đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo X, X1, H, L, T, M và Th là có căn cứ. Tuy nhiên đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” kiểm sát viên đề nghị xử phạt các bị cáo X, X1, T, M có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử có thể cho các bị cáo mức án thấp hơn. Bị cáo H, tại lời nói sau cùng đã ăn năn hối cải và nhận ra tội lỗi của mình nên thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta, cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo X, T và M tại cấp phúc thẩm có nhiều hơn bị cáo X1 và H 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần cho các bị cáo X, T và M hình phạt thấp hơn các bị cáo X1 và H để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta đối với người biết ăn năn hối cải.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo M, Th và khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo M 80 ngày, Th 63 ngày là chưa chính xác vì: Các bị cáo M và Th có văn bản xác nhận với nội dung đã cung cấp thông tin giúp Cơ quan có thẩm

quyền phát hiện tội phạm khác trên địa bàn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam chính xác đối với bị cáo M là 02 tháng 19 ngày, Th là 02 tháng 02 ngày vì căn cứ theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về tính thời hạn. Vì vậy, về nội dung này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c (đối với các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th), điểm e (đối với bị cáo Nguyễn Văn L) khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo X, X1, H, T, M; chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, Th, sửa bản án sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (nay là khu vực 1 - Lai Châu) về phần quyết định hình phạt, cụ thể:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th. Căn cứ thêm Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th. Căn cứ thêm Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Căn cứ thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thị X, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th.

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị X, Vũ Thị X1, Lê Thái H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thái T, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thái Th phạm tội: "Cố ý gây thương tích" và tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Vũ Thị X 08 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 05 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 13 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 12 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Vũ Thị X1 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 15 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian

tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Lê Thái H 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 15 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (11/8/2025). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 05 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 13 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 12 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 05 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 13 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 19 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 10 tháng 11 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Th 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 09 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 02 ngày, bị cáo còn phải chấp hành là 06 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/8/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- TAND khu vực 1 - Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND phường S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu.

Phan Thị Phương